

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 300 NĂM NGÀY SINH DANH NHÂN VĂN HÓA LÊ QUÝ ĐÔN
(1726 - 2026)

I. THÂN THỂ, SỰ NGHIỆP VÀ NHỮNG CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

1. Thân thể, sự nghiệp

Lê Quý Đôn, tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương, sinh ra trong gia đình khoa bảng tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên). Cha Ông và cha vợ đều là Tiến sĩ, làm quan trong triều.

Từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã được gọi là “thần đồng”, nổi tiếng thông minh, có trí nhớ tuyệt vời lại ham học hỏi; năm 5 tuổi đã có thể đọc nhiều bài thơ trong *Kinh Thi*. Năm 12 tuổi, Lê Quý Đôn đã thông thạo kinh điển Nho học; năm 17 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hương; năm 24 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hội; năm 26 tuổi, đỗ đầu thi Đình.

Sau khi đỗ Bảng nhãn, từ năm 1752 Lê Quý Đôn bắt đầu bước vào sự nghiệp quan trường và giữ nhiều chức vụ quan trọng của Triều Lê - Trịnh, như: Hàn lâm viện thừa chỉ sung Toàn tu Quốc sử quán (1754); Hàn lâm viện thị giảng (1757); năm 1760 và 1762 được cử đi sứ sang nhà Thanh; Đốc đồng xứ Kinh Bắc (1764); Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc Tử giám (1767); Tán lí quân vụ, Thị phó đô ngự sử (1768); Công bộ hữu thị lang (1769); Bồi tụng (1773); Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài Quốc sử quán (1775); Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (1776); Hiệp trấn Nghệ An (1783); Công bộ thượng thư (1784)...

Năm 1784, Ông lâm bệnh nặng, xin về quê ngoại Duy Tiên, Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) an dưỡng và qua đời sau đó không lâu; Vua cho bãi triều ba ngày để tang Ông.

2. Các công trình tiêu biểu

2.1. Về lịch sử, địa lý

Đại Việt thông sử (Lê triều thông sử), 30 quyển, năm soạn: 1749-1753.

Phủ biên tạp lục, 6 quyển, năm soạn: 1776.

Bắc sứ thông lục, 4 quyển, năm soạn: 1763, viết lời tựa năm 1780.

Kiến văn tiểu lục, 12 quyển, năm soạn: 1777.

2.2. Khảo cứu, diễn nghĩa, chú giải, bàn giảng các kinh điển, cổ thư

Âm chất văn chú, 2 quyển, năm soạn: 1781-1782.

Tứ thư ước giải (Tứ thư giải thích), 5 quyển (khắc in năm 1839),

Quần thư khảo biện, 4 quyển, năm soạn: 1757-1761

Thánh mô hiền phạm lục, 12 quyển, năm soạn: 1759

Vân đài loại ngữ, 4 quyển, năm soạn: 1773

Thư kinh diễn nghĩa, 3 quyển, năm soạn: 1772

2.3. *Sưu tập thi ca*

Toàn Việt thi lục, 20 quyển, năm soạn: 1768

Hoàng Việt văn hải, 10 quyển.

2.4. *Thơ văn sáng tác*

Quế Đường thi tập, tổng tập thơ gồm 550 bài thơ chữ Hán.

Văn thơ viết bằng chữ Nôm: Lê Quý Đôn tiên phong sử dụng chữ Nôm trong văn bản hành chính, trở thành một trong những người viết ký bằng văn xuôi Nôm sớm nhất của Đại Việt qua bài *Khải* được lưu lại trong cuốn *Bắc sứ thông lục*.

Bài *Rắn đầu biếng học*, thể thơ “thất ngôn bát cú”.

Bài *Mẹ ơi con muốn lấy chồng*, thể văn “kinh nghĩa” dùng trong thi cử.

Bài *Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng*, thể văn “kinh nghĩa”.

Bài *Lấy chồng cho đáng tâm chồng*, thể “văn sách” dùng trong thi cử.

II. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA DANH NHÂN VĂN HÓA LÊ QUÝ ĐÔN

Lê Quý Đôn là người yêu nước, thương dân, nhà bác học lớn, một bậc đại khoa, đại trí, đại tài, có nhiều đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực tư tưởng, triết học, văn hóa, giáo dục, khoa học... và hoạt động thực tiễn. Với học vấn uyên thâm, khối lượng trước tác đồ sộ và tầm nhìn vượt trước thời đại, Ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Cả cuộc đời học hành và làm quan, Lê Quý Đôn luôn thể hiện sâu sắc lòng yêu nước, thương dân và ý thức trách nhiệm đối với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Với Ông, việc học tập, nghiên cứu, làm quan hay các trước tác đều không nhằm mưu cầu danh lợi cá nhân mà trước hết để góp phần xây dựng đất nước, chăm lo đời sống Nhân dân và vì sự hưng thịnh lâu dài của quốc gia.

Lê Quý Đôn không chỉ uyên bác trong học thuật mà quan điểm, luận giải của Ông trên các lĩnh vực đã phản ánh trình độ tư duy vượt trước thời đại. Ông có một hệ thống tư tưởng sâu sắc, là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XVIII.

Về triết học, Lê Quý Đôn có những đóng góp quan trọng trong việc lý giải thế giới và quy luật vận động của tự nhiên, xã hội. Từ quan niệm Lý - Khí, Ông khẳng định sự vận động không ngừng là điều kiện tồn tại và phát triển của vạn

vật. Những luận giải trong *Vân đài loại ngữ* thể hiện tư duy quan sát thực tiễn, phân tích và nhận thức sâu sắc về sự vận động của tự nhiên, xã hội, đánh dấu bước phát triển mới của tư tưởng triết học Việt Nam đương thời.

Về chính trị - xã hội, Lê Quý Đôn luôn khẳng định Đại Việt là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, có lịch sử lâu đời và nền văn hiến đặc sắc. Ông đề cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức tự cường và trách nhiệm gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong nhiều trước tác của Ông.

Ông cũng luôn đề cao vai trò của Nhân dân, coi “dân là gốc của nước”, nhấn mạnh trách nhiệm của người cầm quyền đối với đời sống Nhân dân và sự hưng vong của quốc gia. Ông chủ trương kết hợp đức trị với pháp trị, đề cao sự công minh, trách nhiệm và tính nêu gương của đội ngũ quan lại. Những quan điểm đó thể hiện tư duy tiến bộ, góp phần làm phong phú tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XVIII.

Với khối lượng trước tác đồ sộ và phạm vi nghiên cứu trải rộng trên nhiều lĩnh vực như triết học, lịch sử, địa lý, văn học, giáo dục, kinh tế, xã hội, nghệ thuật, nông nghiệp, thiên văn, lịch pháp, y học... Lê Quý Đôn được xem là hình mẫu tiêu biểu của một nhà bác học bách khoa. Đóng góp nổi bật của Lê Quý Đôn là khả năng hệ thống hóa, tổng kết và phát triển tri thức của thời đại. Các công trình như *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*, *Quần thư khảo biện*, *Phủ biên tạp lục* không chỉ phản ánh vốn hiểu biết uyên thâm mà còn thể hiện năng lực tư duy tổng hợp, phân tích và khái quát khoa học xuất sắc. Đặc biệt, *Vân đài loại ngữ* được đánh giá là bộ bách khoa thư tiêu biểu của Việt Nam thời phong kiến.

Lê Quý Đôn chủ trương giáo dục phải hướng tới sự phát triển toàn diện con người, kết hợp giữa tri thức, đạo đức, nhân cách và năng lực thực hành. Theo Ông, học không chỉ để thi cử hay cầu danh mà trước hết là để hoàn thiện bản thân, phụng sự và đóng góp cho sự hưng thịnh của đất nước.

Ông cũng nhấn mạnh vai trò của tự học, học tập suốt đời và tinh thần cầu thị trong tiếp nhận tri thức. Bản thân Lê Quý Đôn là tấm gương tiêu biểu về ý chí học tập bền bỉ, lao động khoa học nghiêm túc và khát vọng khám phá tri thức không ngừng nghỉ. Đặc biệt, Lê Quý Đôn rất coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài bởi theo Ông, sự hưng thịnh của quốc gia gắn liền với việc trọng dụng người có đức, có tài và có khả năng cống hiến cho xã hội. Những tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước hiện nay.

Một trong những cống hiến nổi bật của Lê Quý Đôn là sưu tầm, khảo cứu, hệ thống hóa và lưu truyền kho tàng tri thức, văn hóa của dân tộc. Ông đã dành nhiều tâm huyết ghi chép, đối chiếu và tổng kết các nguồn tư liệu, qua đó lưu giữ nhiều di sản quý báu của đất nước.

Thông qua các công trình như *Toàn Việt thi lục*, *Kiến văn tiểu lục*, *Vân đài loại ngữ*, *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã để lại một khối lượng lớn tư liệu về lịch sử, địa lý, văn học, phong tục, tập quán, sản vật, đời sống xã hội Việt Nam... Nhiều tư liệu có giá trị về lịch sử và văn hóa dân tộc được bảo tồn và truyền lại cho hậu thế thông qua các công trình khảo cứu của Ông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đi sứ, Lê Quý Đôn không chỉ hoàn thành trọng trách ngoại giao mà còn tranh thủ tìm hiểu, khảo cứu và tiếp thu những thành tựu mới về học thuật, khoa học và văn hóa của thời đại. Những ghi chép trong *Bắc sứ thông lục* phản ánh tầm nhìn rộng mở, khả năng quan sát sắc sảo và tinh thần học hỏi không ngừng của một học giả lớn.

Ghi nhận, tôn vinh những công lao, đóng góp, cống hiến của Lê Quý Đôn cho nền văn hóa Việt Nam và thế giới, tại phiên họp Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) lần thứ 43 diễn ra vào ngày 31/10/2025 tại Samarkand, Cộng hòa Uzbekistan đã thông qua Nghị quyết vinh danh và cùng tham gia kỷ niệm 300 năm Ngày sinh danh nhân văn hoá Lê Quý Đôn.